TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HSST
Ngày 15/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 27/02/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 04/3/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng N sinh năm 1983; tại tp N, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú số nhà 79, p T, tp N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay số nhà 131, đường 8, phường Đ, tp N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Sỹ P và bà Bùi Thị T; vợ Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2023 đến ngày 29/9/2023 chuyển tạm giam đến ngày ngày 20/11/2023 được thay đổi sang biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Mai Xuân H sinh năm 1991; địa chỉ xóm 1, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị Đinh Thị Huyền Trang sinh năm 1997; địa chỉ xóm 1, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Mai Văn Mừng sinh năm 1985; địa chỉ xóm 1, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu Hiền sinh năm 1994; địa chỉ phố Tân Trung, phường 1, tp N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bà Trần Thị Vụ sinh năm 1979; địa chỉ xóm 1, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Tử Thoả sinh năm 1991; địa chỉ phố Tân Trung, phường 1, tp N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2022 N đã nhiều lần cho anh H vay tiền với tổng số tiền là 90.000.000 đồng (trong đó có 01 lần anh H cầm cố chiếc xe mô tô Lead biển kiểm soát 35B2-819.91 cho N để vay 20.000.000 đồng). Trong quá trình cho anh H vay tiền thì có lần N tính lãi, cả N và anh H đều không nhớ tính lãi như thế nào và đã trả bao nhiêu tiền lãi. Ngày 26/8/2023 N đòi anh H phải trả tiền vay và tiền lãi nhưng anh H không có tiền trả, nên N yêu cầu anh H viết giấy với nội dung anh H vay N tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Đến ngày 04/9/2022 N và anh H thống nhất, anh H còn nợ N tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng; anh H phải trả tiền lãi từ ngày 04/9/2022 là 5.000 đồng/triệu/01 ngày (tương đương với mức lãi suất là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi cao nhất là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự). Sau đó anh H đã nhiều lần trả tổng cộng 30.000.000 đồng tiền lãi cho N.

Ngày 22/9/2023 N tìm đến nhà thuê trọ của anh H ở xóm 3, N Cường, xã Khánh Cường để đòi tiền, anh H hẹn đến ngày 26/9/2023 sẽ trả tiền lãi cho N. Khoảng 16 giờ ngày 26/9/2023 N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển kiểm soát 30A-600.93 chở anh Thỏa (là em vợ N) đi đến nhà trọ của anh H để lấy tiền. Đến nơi anh Thỏa ngồi ngoài xe ô tô, còn N vào nhà gặp anh H; tại đây N thống nhất với anh H và chị Trang (là vợ của anh H) tổng số tiền lãi anh H phải trả cho N tính từ ngày 04/9/2022 đến ngày 26/9/2023 là 160.000.000 đồng, trừ đi 30.000.000 đồng anh H đã trả trước đó, thì số tiền lãi anh H còn phải trả cho N là 130.000.000 đồng. Chị Trang đã trả cho N 40.000.000 đồng tiền lãi. N nhận tiền và ký giấy biên nhận do chị Trang viết với nội dung anh H đã trả cho N 40.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ của N số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Ngoài ra N yêu cầu anh H phải viết 01 giấy mượn tiền với nội dung ngày 26/9/2023 anh H có mượn của N số tiền 90.000.000 đồng.

Sau khi anh H viết giấy mượn tiền, N cầm tiền và giấy mượn tiền đi ra xe ô tô để về thì bị Tổ công tác của Công an huyện Y bắt quả tang, thu giữ của N số tiền 40.000.000 đồng, 01 giấy mượn tiền, 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim thuê bao số 0913117239, 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển kiểm soát 30A-600.93 cùng 01 chứng nhận đăng ký và 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe; thu giữ của chị Trang 01 giấy nhận tiền lãi do N ký nhận, thu giữ của anh H 01 điện thoại OPPO A1K lắp sim thuê bao số 0919666135.

Khám xét nơi ở của N, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 giấy mượn tiền đề ngày 26/8/2023 do H ký và 01 xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 35B2-819.91.

Như vậy, Tổng số tiền gốc anh H đã vay của N là 90.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà N yêu cầu anh H phải trả cho N tính từ ngày 04/9/2022 đến ngày 26/9/2023 (388 ngày) là 160.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi N đã nhận của anh H là 70.000.000 đồng, số tiền lãi chưa nhận là 90.000.000 đồng.

- Số tiền lãi của 388 ngày tính theo mức lãi suất 20%/năm là: 90.000.000 x 20% : 365 x 388 = 19.134.247 đồng.

- Tổng số tiền N thu lời bất chính từ việc cho anh H vay là: 160.000.000 - 19.134.247 = 140.865.753 đồng.

Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 26/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo N như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo N từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Giao bị cáo N cho UBND phường Thanh Bình, tp N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo N phải trả lại cho anh H số tiền thu lời bất chính còn lại là 10.865.753 đồng.

- Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+) Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim thuê bao 0913117239 của N; riêng sim điện thoại thì tịch thu tiêu huỷ.

+) Trả lại cho anh H 01 xe môtô Honda Lead BKS 35B2-819.91; 01 điện thoại OPPO lắp sim thuê bao 0919666135; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+) Buộc bị cáo N phải nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi đã nhận theo mức lãi xuất 20%/năm là 19.134.247 đồng; buộc anh H phải nộp lại số tiền 90.000.000 đồng đã vay của bị cáo N để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận toàn bộ số tiền gốc mà N cho anh H vay là 90.000.000 đồng; thời gian tính lãi vay với mức là 5.000 đồng/triệu/ngày là từ 04/9/2022; tổng số tiền lãi anh H phải trả cho N là 160.000.000 đồng; số tiền lãi N đã nhận của anh H là 70.000.000 đồng. Nói lời sau cùng bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người liên quan; phù hợp với

các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của bị cáo và vật chứng đã thu giữ; nên có đủ cơ sở khẳng định:

N cho anh H vay với tổng số tiền là 90.000.000 đồng; thời gian tính lãi kể từ ngày 04/9/2022 đến ngày 26/9/2023 với mức lãi suất vay là 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi mà anh H phải trả cho N là 160.000.000 đồng, số tiền lãi N đã nhận của anh H là 70.000.000 đồng. Theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất cho vay "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay". Như vậy mức lãi suất N cho anh H vay nêu trên gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm là 19.134.247 đồng; số tiền thu lời bất chính đã và sẽ nhận là 140.865.753 đồng.

Hành vi cho vay với lãi suất gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, đã và sẽ thu lời bất chính với số tiền nêu trên của bị cáo N là trái pháp luật; đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về lãi suất cho vay, hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo N về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và số tiền thu lời bất chính; cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo N, có như vậy mới có đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

Xét bị cáo N phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; nên xét không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ

khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo N được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; phạt bổ sung đối với bị cáo N là 40.000.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm mà N đã nhận của anh H là 10.865.753 đồng; nên buộc N phải trả lại cho anh H số tiền trên.

- Chị Hiền, chị Trang không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 xe ô tô Mazda 3 biển kiểm soát 30A-600.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô; 01 xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 35B2-819.91; 01 điện thoại di động OPPO A1K lắp sim thuê bao số 0919666135; 01 điện thoại di động Iphone 11 lắp sim thuê bao số 0913117239 và số tiền là 40.000.000 đồng.

- Đối với xe ô tô Mazda 3 biển kiểm soát 30A-600.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định của xe; là tài sản của chị Hiền, chị Hiền không biết N sử dụng xe để đi đòi tiền; nên cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho chị Hiền.

- Số tiền 40.000.000 đồng, là tài sản của bà Vụ (mẹ chị Trang) bà Vụ nhờ chị Trang giữ hộ; cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Vụ.

- Đối với xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 35B2-819.91 và điện thoại OPPO lắp sim thuê bao 0919666135 là tài sản của anh H; nên trả lại cho anh H.

- Đối với điện thoại Iphone 11 lắp sim thuê bao 0913117239 là tài sản của N, N sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Toàn bộ số tiền của N cho anh H vay là 90.000.000 đồng; số tiền này N sử dụng vào việc phạm tội; anh H chưa trả lại cho N, nên buộc anh H nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm bị cáo N đã nhận của anh H là 19.134.247 đồng; do liên quan đến hành vi phạm tội của bi cáo N, nên buộc bị cáo N phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo; người liên quan đều không có khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo N bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo N phải trả lại cho anh H số tiền là 10.865.753 đồng, nên phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Nguyễn Hoàng N 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 15/3/2024. Phạt bổ sung 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng N cho Uỷ ban nhân dân phường Thanh Bình, tp N, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo; bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải trả lại cho anh Mai Xuân H, tổng số tiền lãi vượt quá 20% bị cáo N đã nhận của anh H là 10.865.753 đồng (mười triệu tám trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng).

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền lãi mà N phải trả lại cho anh H, cho đến khi thi hành án xong; hằng tháng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 11 lắp sim thuê bao 0913117239; riêng chiếc sim điện thoại đang lắp trong điện thoại thì tịch thu tiêu huỷ.

- Trả lại cho anh Mai Xuân H gồm: 01 xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 35B2-819.91 và 01 điện thoại di động OPPO lắp sim thuê bao 0919666135; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Buộc anh Mai Xuân H phải nộp lại toàn bộ số tiền vay của N là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải nộp lại toàn bộ số tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm bị cáo N đã nhận của anh H là 19.134.247 đồng (mười chín triệu một trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm a khoản 7 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh H, chị Trang, anh Mừng, chị Hiền, bà Vụ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo; Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Phương **Nguyễn Hà Giang** **Bùi Văn Lực**